



PHỤ LỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số **35**/2014/QĐ-UBND ngày **31**/12/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
A	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG				
1	Đường Hai Bà Trưng	1	Suốt đường		30.000
2	Đường Đồng Khởi	1	Suốt đường		25.000
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		2.700
3	Đường 3 tháng 2	1	Suốt đường		25.000
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Suốt đường		20.000
	Hẻm 33	1	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 45	1	Suốt hẻm		2.500
5	Đường Đào Duy Từ	1	Suốt đường		10.000
6	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	20.000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	14.000
	Hẻm 36	1	Suốt hẻm		2.000
7	Đường Phan Chu Trinh	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	22.000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	14.000
		3	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Đề Thám	7.000
	Hẻm 124	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 118	1	Suốt hẻm		2.500
8	Đường Hàm Nghi	1	Suốt đường		20.000
9	Đường Hoàng Diệu	1	Suốt đường		22.000
10	Đường Nguyễn Hùng Phước	1	Suốt đường		22.000
11	Đường Ngô Quyền	1	Suốt đường		14.000
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Suốt đường		11.000
13	Đường Nguyễn Văn Cừ	1	Suốt đường		8.000
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 49	1	Suốt hẻm		1.600
14	Đ. Trần Minh Phú	1	Suốt đường		15.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
15	Đường Nguyễn Huệ	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Nguyễn Du	20.000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	18.000
		3	Đ. Nguyễn Du	Đ. Phan Đình Phùng	7.000
		3	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	7.000
		4	Đ. Phan Đình Phùng	Hết đất Chùa Đại Giác	5.000
		5	Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	3.000
	Hẻm 155 (P1)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 79 (P1)	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 103 (P1)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 31 (P1)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 365 (P9)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 381A (P9)	1	Nguyễn Huệ	Hẻm 381B	800
	Hẻm 381B (P9)	1	Nguyễn Huệ	Hẻm 381A	800
	Hẻm 433 (P9)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 467 (P9)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 471 (P9)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 510 (P9)	1	Suốt hẻm		800
16	Đường Nguyễn Du	1	Suốt đường		9.000
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 13	1	Suốt hẻm		1.800
17	Đ. Nguyễn Đình Chiểu	1	Suốt đường		5.000
	Hẻm 5,129,22,44	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 89, 113	1	Suốt hẻm		1.250
18	Đường Lê Lợi	1	Suốt đường		15.000
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		2.400
19	Đ. Hùng Vương	1	Cổng chính Hồ Nước Ngọt (Đường Yết Kiêu)	Quốc lộ 1A	12.000
	Hẻm 28, 63, 93, 121, 149, Hẻm Vành Đai.	1	Hùng Vương	Hẻm 2 Đ. Huỳnh Phan Hộ	2.200
	Hẻm 3, 7, 159	1	Hùng Vương	Giáp hẻm 42 Yết Kiêu	1.800
	Hẻm 101, 121	1	Hùng Vương	Rạch Trà Men	1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
20	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	1	Suốt đường		20.000
	Hẻm 93	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 76	1	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 48	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 145 (P6)	1	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giáp hẻm 81 Ngô Gia Tự	1.800
21	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		2	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Nguyễn Văn Hữu	7.000
	Hẻm 58	1	Suốt hẻm		2.000
22	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Đồng Khởi	18.000
		2	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	7.000
		3	Đ. Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	5.000
		4	Đường Lê Duẩn	Giáp đất Hồ Thị Nhung (Thửa 228 tờ BĐ số 4)	4.000
		5	Hết đất Hồ Thị Nhung (Thửa 228 tờ BĐ số 4)	Chợ Sung Đình	2.000
	Hẻm 176 (P1)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 168 (P1)	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 310 (P4)	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 292, 336, 346, 368, 376, 414, 440, 468, 510, 526, 534, 558 (P4)	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 680, 960 (P4)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 636, 666, 672, 843 (lộ đal K6) (P4)	1	Suốt hẻm		600
23	Đường Trần Hưng Đạo	1	Đường 30/4	Đường Phú Lợi	12.500
		2	Đường Phú Lợi	Cầu kênh 3 tháng 2	8.000
		3	Cầu kênh 3 tháng 2	Ngã 3 Trà Tim	5.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	1		Suốt hẻm	1.750
	Hẻm 62, 118, 132, 140 (P2)	1		Suốt hẻm	1.400
	Hẻm 45, 51 (P3)	1		Suốt hẻm	2.500
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	1		Suốt hẻm	1.800
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491, 567	1		Suốt hẻm	1.600
	Hẻm 543, 505 (P3)	1		Suốt hẻm	1.200
	Hẻm 623, 647 (P3)	1		Suốt hẻm	750
24	Đường Lê Hồng Phong	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	10.000
		2	Đ. Nguyễn T Minh Khai	Đ. Đoàn Thị Điểm	8.000
		3	Đ. Đoàn Thị Điểm	Cuối đường	4.500
	Hẻm 33 (P3)	1		Suốt hẻm	2.000
	Hẻm 45, 51 (P3)	1		Suốt hẻm	2.500
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	1		Suốt hẻm	1.800
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491, 567 (P3)	1		Suốt hẻm	1.600
	Hẻm 543, 505 (P3)	1		Suốt hẻm	1.200
25	Hẻm 623, 647 (P3)	1		Suốt hẻm	750
	Đường Phú Lợi	1		Suốt đường	8.000
	Hẻm 2, 263, 244, 155, 333	1		Suốt hẻm	2.000
	Hẻm 73	1	Đ. Phú Lợi	Cuối hẻm (giáp đất Lâm Thị Mười)	1.500
		1	Đ. Phú Lợi	Giáp đất Lương Thanh Hải (thửa 226, tờ 44)	1.500
	Hẻm 188	1		Suốt hẻm	1.600
26	Hẻm 10, 293	1		Suốt hẻm	1.600
	Đường Lê Duẩn	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Lê Hồng Phong	7.000
		2	Đ. Lê Hồng Phong	Đ. Lý Thường Kiệt	6.000
		3	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đ. Phạm Hùng	3.000
	Hẻm 697, 550 (P4)	1		Suốt hẻm	900
	Hẻm 546 (P4)	1		Suốt hẻm	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
27	Quốc Lộ 1 A	1	Ngã ba Trà Men (tính từ ranh hẻm 298 bên P7)	Đầu kênh ranh khóm 1, 2 (P.7)	5.000
		2	Ngã ba Trà Men(tính từ ranh hẻm 298 bên P7)	Đ. Dương Kỳ Hiệp	4.000
		3	Đ. Dương Kỳ Hiệp	Cổng Trắng	3.000
		4	Đầu kênh ranh khóm 1, 2 (P.7)	Giáp ranh huyện Châu Thành	2.500
		5	Cổng Trắng	Ngã ba Trà Tim	2.000
	Hẻm 437, 472, 389, 526 (P2)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 417, 448, 901 (P2)	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 792, 882 (P2)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 506 (P2)	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 215 (P6)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 367 (P6)	1	Quốc Lộ 1	Điện Biên Phủ	1.000
	Hẻm 1 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 3 (P7)	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 121 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Kênh 30/4	400
	Hẻm 54 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đ. Lê Hoàng Chu	300
	Hẻm 170 (P7)	1	Quốc Lộ 1	cuối hẻm	1.000
	Hẻm 222 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đ. Lê Hoàng Chu	400
	H 298 (P7)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 334 (P7)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 962, 1056, 1070, 1098	1	Suốt hẻm		500
	Lộ giao thông ranh K2-K3 (số 1132)	1	Suốt hẻm		500
28	Đường 30/4	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Nguyễn Du	12.500
		2	Đ. Nguyễn Du	Ngã 4 đường Lê Duẩn	6.000
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đ. Đoàn Thị Điểm	2.500
		5	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	1.000
		4	Đ. Đoàn Thị Điểm	Cuối đường	2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
	Hẻm 5, 123 (P2)	1		Suốt hẻm	250
	Hẻm 44 (P3)	1		Suốt hẻm	1.800
	Hẻm 124, 134, 152, 174, 182, 202, 248 (P3)	1		Suốt hẻm	1.200
	Hẻm 164, 290 (P3)	1		Suốt hẻm	900
	Hẻm 332 (P3)	1		Suốt hẻm	1.000
29	Đường Hồ Minh Luân	1		Suốt đường	12.500
30	Đường Trần Phú	1		Suốt đường	4.000
31	Đường Trần Văn Sắc	1		Suốt đường	4.000
32	Đường Hồ Hoàng Kiếm	1		Suốt đường	4.000
33	Quãng Trường Bạch Đằng	1		Suốt đường	6.000
34	Đường Trương Công Định	1		Suốt đường	5.000
	Hẻm 9, 93, 267, 278 (P2)	1		Suốt hẻm	1.250
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109, 195 (P2)	1		Suốt hẻm	1.000
	Hẻm 156, 245 (P2)	1		Suốt hẻm	750
35	Đường Nguyễn Trung Trực	1		Suốt đường	5.000
	Hẻm 143	1		Suốt hẻm	1.000
36	Đ. Trần Bình Trọng	1		Suốt đường	4.000
	Hẻm 31, 53, 69	1		Suốt hẻm	800
	Hẻm lộ 3	1		Suốt hẻm	800
	Hẻm 121	1		Suốt hẻm	600
37	Đường Lý Tự Trọng	1		Suốt đường	3.000
	Hẻm 25	1		Suốt hẻm	750
38	Đường Bùi Thị Xuân	1	Đ. Lý Tự Trọng	Đ. Trương Văn Quới	2.000
39	Đ. Trương Văn Quới	1		Suốt đường	3.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
40	Đường Nguyễn Trãi	1	Suốt đường		10.000
41	Đường Bạch Đằng (Sông Đình cũ)	1	Đ. Lý Thường Kiệt	Hết ranh đất nhà máy Thành Tín- Trần Minh Hưởng thừa 156 tờ BĐ 24	2.500
		2	Giáp ranh đất nhà máy Thành Tín-Trần Minh Hưởng thừa 156 tờ BĐ 24	Đường 30 tháng 4	1.000
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 128, 154 (P4)	1	Suốt hẻm		300
42	Đường Điện Biên Phủ	1	Đ. Tôn Đức Thắng	Đ. Yết Kiêu	5.000
		2	Đ. Yết Kiêu	Cầu Đúc	3.000
		3	Cầu Đúc	Cuối đường	1.500
	Hẻm 94	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 102	1	Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.000
	Hẻm 132	1	Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.000
	Hẻm 156	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 218	1	Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 42 Yết Kiêu	1.000
	Hẻm 294	1	Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1.000
	Hẻm 330	1	Suốt hẻm		750
43	Đường Mạc Đĩnh Chi	1	Đ. Đồng Khởi	Ngã 4 đường Lê Duẩn	6.000
		2	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	3.500
	Hẻm 9, 45, 119, 233 (P4)	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 23, 33, 53 (P4)	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	1	Suốt hẻm		700
	Hẻm 70 (P9)	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 456 (P9)	1	Suốt hẻm		500
	Hẻm 548 (P9)	1	Suốt hẻm		500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
44	Đ. Phan Đình Phùng	1	Suốt đường		4.000
	Hẻm 150	1			600
45	Đường Vành Đai II	1	Đ. Dương Minh Quang	Đ. Văn Ngọc Chính	1.000
46	Đường Mai Thanh Thế	1	Đ. Đồng Khởi	Đ. Nguyễn Du	7.000
		2	Đ. Nguyễn Du	Cuối đường	5.000
	Hẻm 1, 12	1	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 64, 76, 152	1	Suốt hẻm		1.000
47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt đường		5.000
	Hẻm 65, 143, 181	1	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 15, 27, 43	1	Suốt hẻm		900
48	Đường Phan Bội Châu	1	Suốt đường		5.000
49	Đường Thủ Khoa Huân	1	Suốt đường		4.000
50	Đ. Trần Quang Diệu	1	Suốt đường		4.000
51	Đ. Nguyễn Văn Thém	1	Suốt đường		4.000
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		800
52	Đường Ngô Gia Tự	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 đường Dã Tượng	10.000
		2	Đ. Lê Lai	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	7.000
	Hẻm 81	1	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 95	1	Suốt hẻm		1.200
53	Đường Lê Vĩnh Hoà	1	Suốt đường		3.000
	Hẻm 2	1	Lê Vĩnh Hòa	Hết thửa 107, tờ số 30 Ông Mã Chạp	600
		2	Giáp thửa 107, tờ số 30 Ông Mã Chạp	Cuối hẻm	450
54	Đường Nguyễn Văn Hữu	1	Suốt đường		7.000
	Hẻm 55	1	Suốt hẻm		1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
55	Đường Lê Lai	1	Suốt đường		6.000
56	Đ. Calmette	1	Suốt đường		5.000
	Hẻm 33	1	Từ Calmette	Lai Văn Tùng	1.500
57	Đường Yết Kiêu	1	Suốt đường		8.000
	Hẻm 42	1	Đ. Yết Kiêu	Giáp hẻm 218 Đ. Điện Biên Phủ	1.000
58	Đường Dã Tượng	1	Suốt đường		8.000
59	Đường Võ Đình Sâm	1	Suốt đường		3.000
	Hẻm 5, 9	1	Suốt hẻm		600
60	Đường Đặng Văn Viễn	1	Suốt đường		3.000
61	Đường Pasteur	1	Suốt đường		3.000
	Hẻm 50	1	Suốt hẻm		600
62	Đường Bùi Viện	1	Suốt đường		4.000
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 10, 17	1	Suốt hẻm		600
63	Đ. Nguyễn Chí Thanh	1	Suốt đường		7.000
	Hẻm 4	1	Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa 57, tờ 28 Nguyễn Ngọc Rạng	1.800
	Hẻm 79	1	Nguyễn Chí Thanh	Lai Văn Tùng	1.500
64	Đường Trần Văn Hòa	1	Suốt đường		3.000
	Hẻm 36, 74	1	Suốt hẻm		600
65	Đường Bà Triệu	1	Suốt đường		3.000
66	Đường Đề Thám	1	Suốt đường		7.000
	Hẻm 6	1	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 23	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		1.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
67	Đường Sơn Đê	1		Suốt đường	5.000
68	Đường Lê Văn Tám	1		Suốt đường	2.500
69	Đường Lai Văn Tùng	1		Suốt đường	5.000
70	Đường Châu Văn Tiếp	1		Suốt đường	3.000
71	Đ. Nguyễn Văn Linh	1		Suốt đường	4.000
	Hẻm 160, 222, 414,	1		Suốt hẻm	1.000
	Hẻm 48, 206, 366, 358, 468	1		Suốt hẻm	800
	Hẻm 305	1	Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (thửa 226, tờ	800
	Hẻm 104, 175	1		Suốt hẻm	600
72	Đường Dương Kỳ Hiệp	1	Đ. Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	3.500
		2	Quốc lộ 1A	Phú Tức	800
	Hẻm 75	1		Suốt hẻm	300
73	Đường Kênh 30/4	1	Từ Hồ nước ngọt	Cầu dân sinh- Hết ranh đất ông Lâm Sơn thửa 139, tờ BĐ 02	1.000
		2	Cầu dân sinh- Giáp ranh đất ông Lâm Sơn thửa 139, tờ BĐ 02	giáp ranh Phường 7	600
74	Đ. Dương Minh Quan	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Văn Ngọc Chính	3.500
	Hẻm 175, 243	1		Suốt hẻm	700
75	Đường Văn Ngọc Chính	1	Đ. Lê Hồng Phong	Chùa Mã Tộc	3.500
		2	Chùa Mã Tộc	Tả Lách	1.500
		3	Tả Lách	Cầu đúc giáp ranh Mỹ Xuyên	600
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91, 135	1		Suốt hẻm	540
	Hẻm 185, 221, 267, 327	1		Suốt hẻm	260
76	Đường Đoàn Thị Điểm	1	Đ. Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	2.500
	Hẻm 122	1		Suốt hẻm	500
	Hẻm 30, 74, 179	1		Suốt hẻm	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
77	Đường Sóc Vồ	1	Suốt đường		400
	Hẻm 171, 113, 97	1	Suốt hẻm		150
	Hẻm 199, 119, 157	1	Suốt hẻm		200
78	Đường Lê Hoàng Chu	1	Cầu Kênh Xáng (QL 1A)	Đường Sóc Vồ	400
79	Đường Nam Kỳ Khởi nghĩa	1	Cầu Đen (QL 1A)	Hết đất UBND Phường 7	2.500
		2	Giáp UBND Phường 7	Đường vào bãi rác TP Sóc Trăng	1.500
		3	Đường vào bãi rác TP Sóc Trăng	Bia tường niệm	1.000
		4	Bia tường niệm	Giáp ranh Huyện Châu Thành	600
	Hẻm 369 (đ.bãi rác)	1	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bãi Rác	400
	Hẻm 325	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 233	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 157	1	Suốt hẻm		300
	Hẻm 91	1	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND khóm 5	1.000
	Hẻm 47	1	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND khóm 5	300
	Hẻm 60	1	Suốt hẻm		400
	Hẻm 70	1	Suốt hẻm		350
80	Đường Trần Văn Bảy	1	Đường 30 tháng 4	Đ. Lê Hồng Phong	2.000
	Hẻm 20, 163	1	Suốt hẻm		400
81	Đường Lý Đạo Thành	1	Suốt đường		1.000
	Hẻm 8	1	Suốt hẻm		200
82	Đ. Huỳnh Phan Hộ	1	Đ. Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.000
	Hẻm 2	1	Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 36	1	Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 64	1	Huỳnh Phan Hộ	Thửa số 114	400
	Hẻm 76	1	Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 110	1	Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	400
	Hẻm 117	1	Huỳnh Phan Hộ	Rạch Trà men	400

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
83	Đ. Trần Quốc Toàn	1	Đ. Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1.000
	Hèm 104	1	Trần Quốc Toàn	Rạch Trà men	400
	Hèm 109	1	Suốt hèm		400
84	Đ. Kênh Hồ Nước Ngọt	1	Suốt đường		1.000
	Hèm 29 (P6)	1	Từ kênh HNN	Kênh 30/4	400
	Hèm 32 (P5)	1	Suốt hèm		150
85	Đường Phú Túc	1	Suốt đường		400
	Hèm 197	1	Suốt hèm		150
86	Đường Võ Thị Sáu	1	Đ. Lê Hồng Phong	Đ. Lê Duẩn	5.000
87	Đ. Trần Quang Khải	1	Quốc lộ 1A	Kênh 8 m	1.200
	Hèm 42, 47	1	Suốt hèm		300
88	Đ. Sương Nguyệt Anh	1	Đập thủy lợi phường 7	Kênh 3/2	400
	Hèm 94	1	Suốt hèm		150
89	KDC Tuyến tránh Quốc lộ 60	1	Trên địa bàn phường 7		800
		1	Trên địa bàn phường 5		800
90	Tỉnh lộ 8 nối dài	1	Suốt đường		800
91	Lộ đá KDC Bình An	1	Suốt đường		1.500
92	Đ. Kênh Xáng Xà Lan	1	Đập thủy lợi P7	Ranh huyện Mỹ Tú	400
93	Đường Công Tráng	1	Quốc lộ 1A	Trường QS Quân khu 9	1.200
	Hèm 911/12	1	Suốt hèm		300
94	Đường kênh Thị đội cũ (Đ. Phạm Hùng, K3P8)	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh phường 5	400
95	Đường Sóc Mồ côi cũ (Đ. Phạm Hùng, K7P8)	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh phường 5 (đường cùng)	400
96	Đ. Lộ Châu Khánh (Đ. Phạm Hùng)	1	Cuối đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	400

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
97	Đường Tôn Đức Thắng	1	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	15.000
		2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	7.500
		3	Ranh hẻm Chùa Phước Nghiêm	Hết ranh UBND Phường 5	5.000
		4	Giáp ranh UBND Phường 5	Giáp Đ. Lương Định Của	3.000
	Hẻm 87	1	Suốt hẻm		1.250
	Hẻm 163	1	Suốt hẻm		1.250
	Hẻm 189	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 196	1	Suốt hẻm		1.250
	Hẻm 222	1	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 250	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 278	1	Suốt hẻm		1.750
	Hẻm 322	1	Suốt hẻm		1.750
	Hẻm 352	1	Suốt hẻm		1.750
	Hẻm 354A	1	Suốt hẻm		1.000
	Hẻm 283	1	Suốt hẻm		1.250
	Hẻm 311	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 319	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 337	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 371	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 389	1	Suốt hẻm		600
	Hẻm 368	1	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 382	1	Suốt hẻm		1.250
	Hẻm 398	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 420	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 452	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 472	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 498	1	Suốt hẻm		800
	Hẻm 516	1	Suốt hẻm		800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m².

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
97	Hẻm 532	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 542	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 552	1		Suốt hẻm	750
	Hẻm 580	1		Suốt hẻm	1.000
	Hẻm 596	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 638	1		Suốt hẻm	750
	Hẻm 658	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 525	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 573	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 593	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 658	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 674	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 684	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 708	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 716	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 726	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 744	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 762	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 780	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 788	1		Suốt hẻm	600
	Hẻm 792	1		Suốt hẻm	750
	Hẻm 806	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 814	1		Suốt hẻm	450
	Hẻm 81(P6)	1		Suốt hẻm	1.800
	Hẻm 55 (P6)	1	Tôn Đức Thắng	Hết thửa 81, tờ BĐ 28 Trịnh Kim Chúi	1.800
	Hẻm 146 (P8)	1		Suốt hẻm	2.800
	Hẻm 166 (P8)	1		Suốt hẻm	3.000
	Hẻm 178 (P8)	1		Suốt hẻm	2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
98	Đường Phạm Hùng	1	Đ. Bà Triệu	Ngã ba đ. Coluso	3.000
		2	Ngã ba đ. Coluso	Cổng 77	1.500
		3	Cổng 77	Cầu Saintard	1.000
	Hẻm 147A (P5)	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 843	1	Suốt hẻm		250
	Hẻm 5	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 117	1	Đ. Phạm Hùng	Hết thửa 177 tờ BĐ 34 Trần Mạnh Cường	600
		2	Giáp thửa 177 tờ BĐ 34 Trần Mạnh Cường	Cuối hẻm	450
	Hẻm 54	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		750
	Hẻm 112	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 126	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 158	1	Suốt hẻm		450
	Hẻm 838	1	Suốt hẻm		250
99	Đường Cao Thắng	1	Đ. Coluso	Đ. Phạm Hùng	800
	Hẻm 143	1	Đ. Cao Thắng	Hết thửa 119 Nguyễn Văn Chơi	200
	Hẻm 91	1	Đ. Cao Thắng	Hết thửa 66 Nguyễn Văn Nghĩa	200
100	Đường Chông Chác	1	Suốt đường		400
	Hẻm 145, 167, 96, 134, 172, 182, 214, 215	1	Suốt hẻm		150
101	Đường Lương Định Của	1	Cổng Chông Chác	Giáp ranh H.Long Phú	2.000
	Hẻm 71, 81, 176, 192, 204 (P5)	1	Suốt hẻm		225
	Hẻm 97 (P5)	1	Suốt hẻm		400
102	Đường Kênh Xáng (Coluso)	1	Suốt đường		1.500
	Hẻm 24 Cầu đen Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Thửa 138, tờ số 38 Huỳnh Thị Dư	300
		2	Giáp thửa 138, tờ số 38 Huỳnh Thị Dư	Cuối hẻm	250

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
102	Hèm 68	1	Suốt hèm		300
	Hèm 213	1	Suốt hèm		225
	Hèm 245	1	Suốt hèm		225
	Hèm 275	1	Suốt hèm		225
	Hèm 260	1	Suốt hèm		300
	Hèm Cầu Đen kênh Xáng	1	Đầu hèm	Hết thửa 504, tờ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	300
		2	Giáp thửa 504, tờ BD số 30 Lê Thị Cẩm Vân	Hết thửa 42, tờ BD số 31 Thạch Chiêu	250
		3	Giáp thửa 42, tờ BD số 31 Thạch Chiêu	Cuối hèm	150
103	Lộ đá Coluso	1	Đ. Phạm Hùng (TL 6 cũ)	Đường Kênh Xáng	1.200
104	Lộ Đal Khóm 6 (Sông Đĩnh)	1	Khóm 6		600
105	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	1	Đường Phạm Hùng	Giáp Đường Chông Chác	400
	Hèm 36, 68, 134, 236	1	Suốt hèm		150
106	Lộ nhựa (Coluso nối dài)	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh cầu xéo	800
107	Đường Kênh Quảng Khuôn	1	Đường Mạc Đình Chi	Đường 30/4 - Khóm 5P9	800
108	Lộ nhựa cặp kênh 8m - P2	1	Đ. Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường 7	400
109	Đường đê bao Trà Quýt (lộ đất cặp kênh đi Phụng Hiệp K3P7)	1	Quốc lộ 1A	Cổng An Ninh	400
		2	Cổng An Ninh	Đ. Sóc Vồ	300
110	Lộ đất giáp ranh H. Mỹ Xuyên P10	1	Quốc lộ 1A	Đ. Văn Ngọc Chính	300
111	Lộ nhựa cặp Quận Khu IX	1	Hết Thửa đất số 156, Bản đồ 53 (K3P2)	Giáp Ranh Phường 10.	1.000
	Hèm 911/165	1	Suốt hèm		250
112	Lộ nhựa cặp sông Maspero Phường 8	1	Từ Đường Coluso	Ranh thu hồi KCN (hết đất ông Thạch Huil)	800
113	Khu Dân cư Hưng Thịnh	1	Toàn khu dân cư		2.500
114	Lộ đal Xóm Chài	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	600
115	Lộ đal phường 9	1	Đường 30/4	Cuối đường	600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
116	KDC Nguyên Hưng Phát	1	Khu C, Khu D, Khu E, Khu F		1.900
		2	Khu HV		800
117	KDC Sáng Quang P10	1	Toàn khu dân cư		900
118	KDC Minh Châu				
	Đường A1, A2	1	Suốt đường		560
	Đường B	1	Quốc lộ 1A	Đường A2	1.120
		2	Đường A2	Đường A1	620
		3	Quốc lộ 1A	Kênh 30/4	336
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	1	Suốt đường		560
Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	1	Suốt đường		208	
119	KDC xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9				
	Khu A	1	Các lô A5, A8, A12		5.000
	Khu B	1	Có mặt tiền giáp đường Trần Hưng Đạo		5.000
	Đường số 1	1	Giáp Đ. Trần Hưng Đạo	Đường số 9	2.800
		2	Đường số 9	Đường số 7	2.000
	Các đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	1	Suốt đường		1.400
120	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A				
	Tiểu dự án 1: Bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa bởi các dự án chỉnh trang đô thị của TPST	3	Dãy nhà bên trong (lộ giới 8m)		900
		2	Dãy bên ngoài (giáp đường số 7)		1.080
		1	Dãy bên ngoài (giáp đường số 8)		1.280
	Tiểu dự án 5: Khu dân cư phục vụ cho các hộ có thu nhập trung bình, thấp	3	Dãy nhà bên trong		1.000
		2	Dãy bên ngoài (giáp khu tái định cư)		1.200
		1	Dãy bên ngoài (giáp tuyến Nam Nhân lực)		1.400
121	Các hẻm vào khu vực chợ bần cờ Đ. Hoàng Diệu	1	Toàn hẻm		5.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
B	HUYỆN MỸ XUYỀN				
I	Thị trấn Mỹ Xuyên				
1	Đường Trung Vương 1	1	Suốt đường		4.500
2	Đường Trung Vương 2	1	Suốt đường		4.000
3	Đường Lê Lợi	1	Giáp đường Phan Đình Phùng	Hẻm 1 Lê Lợi	4.500
		2	Đoạn còn lại		4.000
4	Hẻm 1 Lê Lợi	1	Suốt hẻm		1.400
5	Hẻm 2 Lê Lợi	1	Suốt hẻm		1.400
6	Đường Phan Đình Phùng	1	Suốt đường		3.200
7	Đường Lý Thường Kiệt	1	Suốt đường		3.000
8	Đ. Nguyễn Tri Phương	1	Suốt đường		3.000
9	Đường tỉnh 934	1	Giáp Đ. Lê Hồng Phong	Ngã tư Phước Kiện	3.500
		2	Giáp Đ. Đoàn Minh Bảy	Cầu Tiếp Nhật	2.500
		3	Cầu Tiếp Nhật	Ranh xã Tài Văn	1.800
10	Hẻm 40 (nghĩa trang)	1	Giáp đường tỉnh 934	Kênh Xáng (hết ranh đất bà Phan Thị Thắm)	1.000
11	Hẻm 111	1	Suốt hẻm (Phạm Thị Nữ đến Đặng Thị Ba)		800
12	Hẻm 1 (Thanh Lợi)	1	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sùng)		1.000
13	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	1	Giáp đường tỉnh 934	Hết ranh đất ông Châu Quý Phát	1.000
		2	Giáp ranh đất ông Châu Quý Phát	Giáp đường Huỳnh Văn Chính	400
14	Đường đi Tài Công	1	Giáp đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn, huyện Trần Đề	800
15	Hẻm Cầu Cái Xe	1	Giáp đường tỉnh 934	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đen	800
16	Đ. Trường Công Nông	1	Giáp đường tỉnh 934	Kênh An Nô	800
17	Hẻm 99	1	Giáp đường tỉnh 934	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Chánh	800
18	Đường tỉnh 934	1	Ngã tư Phước Kiện (Ngã tư máy kéo)	Cổng số 1	1.500
		2	Cổng số 1	Ranh TP Sóc Trăng	1.000

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
19	Đường Triệu Nương	1	Giáp đường Hoàng Diệu	Giáp đường Lý Thường Kiệt	4.500
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã tư Phước Kiện	3.500
20	Đường Ngô Quyền	1	Cầu bà Thủy	Cầu số 2	760
		2	Đoạn còn lại		400
21	Đường Nguyễn Thái Học	1	Giáp Đường Hoàng Diệu	Miếu lò heo	1.500
		2	Đoạn còn lại		760
22	Đường Trần Hưng Đạo	1	Từ cầu Chà Và	Cơ quan Huyện Ủy cũ lên 300m	2.500
		2	Từ Huyện Ủy cũ lên 300m	Hết lộ Dân Sinh	1.500
		3	Đoạn còn lại		800
23	Đường Phan Chu Trinh	1	Đường Ngô Quyền	Hết Miếu Ông Hồ	600
		2	Đoạn còn lại		200
24	Đường Phan Thanh Giản	1	Giáp đường Triệu Nương vào	Hết dãy phố họ Mã	760
		2	Đoạn còn lại		400
25	Đường Văn Ngọc Tố	1	Suốt đường		3.500
26	Đường Đoàn Minh Bảy	1	Suốt đường		3.500
27	Đường Huỳnh Văn Chính	1	Giáp Tỉnh Lộ 8	Hết đất kho vật liệu Trung Hưng	1.000
		2	Đoạn còn lại		600
28	Đường Thầy Cùi	1	Suốt đường		500
29	Đ. Lê Văn Duyệt	1	Suốt đường		680
30	Đường vào Trường Tiểu Học Mỹ Xuyên 2	1	Suốt đường		800
31	Huyện lộ 14	1	Ngã tư Phước Kiện	Hẻm kênh Chủ Hồ	1.500
		2	Đoạn còn lại		1.000
32	Hẻm Đình Thần	1	Giáp Huyện Lộ 14	Đường Thầy Cùi	500
33	Hẻm 67 (Trường học)	1	Giáp Huyện Lộ 14	Hết ranh đất ông Phạm Minh Sơn	500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
34	Hẻm 147 Kênh Chú Hồ	1	Giáp Huyện Lộ 14	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	500
35	Đường Hoàng Diệu	1	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thuỷ	5.000
36	Đường Phan Bội Châu	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1.100
		2	Đoạn còn lại		800
37	Hẻm 20	1	Giáp đường Phan Bội Châu	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy	600
38	Hẻm 70	1	Giáp đường Phan Bội Châu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	600
39	Đường Phước Kiện	1	Suốt đường		400
40	Đường vào khu dân cư điện lực	1	Giáp đường tỉnh 934	KDC Điện lực	1.000
41	Khu dân cư Điện lực	1	Toàn Khu		500
42	KDC Đại Thành	1	Toàn Khu		1.600
II	Xã Đại Tâm				
1	Đường đi Trà Mệt - Tham Đôn	KV2-VT1	Vào 300m		330
		KV2-VT2	Phần còn lại		200
2	Đường 939 (Đại Tâm-Phú Mỹ)	KV2-VT1	Vào 300m		300
		KV2-VT2	300m	500m	200
		KV2-VT3	Phần còn lại		130
3	Đường 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ 1	Cầu đúc số C4	1.000
		KV1-VT3	Cầu đúc số C4	Giáp ranh Tham Đôn	500
4	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ngã 3 Trà Tim	Hết đất Chùa Salôn (Chùa Chén Kiểu)	2.500
		KV1-VT2	Giáp ranh Chùa Sà Lôn	Cổng Sà Lôn	1.800
		KV1-VT3	Cổng Sà Lôn	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1.500
III	Xã Thạnh Phú				
1	Đường nhựa vào ấp Rạch Sên	KV2-VT2	Giáp Quốc Lộ 1A (đường loại 3)	Trường học Rạch Sên	330
2	Đường nhựa ấp Càn Đước	KV2-VT2	Suốt Đường		300